TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11/9/2020.
"V/v: Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôl– Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Kim C, sinh năm 1990.(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Ông Trần Hải Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 nguyên đơn bà Kim C trình bày:

Vào năm 2011, bà và ông Đ sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà và ông Đ sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ không có con chung. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay bà C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hải Đ.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Hải Đ: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2020, đại diện ban nhân dân Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho biết về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà C và ông Đ thì địa phương không nắm rõ, vì bà C và ông Đ không có đơn trình báo.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Hải Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C và ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, bà C và ông Đ sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của bà C và ông Đ có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông Đ đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Kim C xác định trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim C được ly hôn với ông Trần Hải Đ.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Kim C xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Hải Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim C có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Kim C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003694 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà C đã nộp xong án phí. Ông Trần Hải Đ không phải chịu án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà